

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 -01 - 2024
V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trà Thị Thanh Thắm**;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Đào;
Ông Nguyễn Lương Xu;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Phúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 179/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị S, sinh năm 1987,
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: thôn 05, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam..

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2012. Trong quá trình sống chung do bất đồng quan điểm sống, anh V tính gia trưởng, bạo lực hay đánh đập chị nhiều lần, đến nay chị xét thấy không thể tiếp tục

sống chung với anh V được nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 3 con chung, Nguyễn Lê Quốc Đ, sinh ngày 21/10/2014; Nguyễn Lê Huyền Tr, sinh ngày 24/8/2018; Nguyễn Lê Ngọc Tr, sinh ngày 17/10/2021, nguyện vọng của chị sau khi ly hôn được nhận nuôi 3 con chung đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, nhưng anh V có yêu cầu nhận nuôi cháu Nguyễn Lê Huyền Tr, chị đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Ngọc Tr mỗi tháng 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) cho đến cháu Tr đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, lời khai có tại hồ sơ vụ án, tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Anh thừa nhận lỗi của mình trong thời gian qua, lúc nóng giận anh và chị S có gây gổ với nhau, nhưng anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị S, vì hiện nay con chung của anh, chị còn quá nhỏ, mâu thuẫn giữa anh và chị S chưa đến mức phải ly hôn, hai người có thể bàn bạc, trao đổi lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi con chung.

Về con chung: Anh và chị S có 03 con chung nhưng chị S khai là đúng. Bản thân anh thì không muốn ly hôn nhưng nếu chị S kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nhận nuôi cháu Nguyễn Lê Huyền Tr, giao hai cháu Nguyễn Lê Quốc Đ và Nguyễn Lê Ngọc Tr cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Trinh mỗi tháng 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng y*).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị S, xử cho chị Lê Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Nguyễn Văn V kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị S về sống chung cùng với anh V thì phát sinh mâu thuẫn, do anh, chị tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, anh và chị S không sống chung với nhau nữa.

Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước tại Chi hội phụ nữ xã T không biết được nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn V và chị Lê Thị S.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước đã tổ chức hai phiên hoà giải. Tuy nhiên, nguyên đơn chị S khai hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh V nữa, anh V đã đánh đập chị nhiều lần, lần gần đây nhất anh đánh chị gây thương tích ở vùng đầu. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu yêu cầu ly hôn với anh V. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S, anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn chị S yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thoả thuận với nhau về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự về con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, theo đó chị Lê Thị S nhận nuôi hai người con chung Nguyễn Lê Quốc Đ, sinh ngày 21/10/2014; Nguyễn Lê Ngọc Tr, sinh ngày 17/10/2021 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn V nhận nuôi cháu Nguyễn Lê Huyền Tr, sinh ngày 24/8/2018 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn V cấp dưỡng cho chị S nuôi cháu Nguyễn Lê Ngọc Tr mỗi tháng 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng y*) cho đến khi cháu Trinh đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị S phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị S, xử cho chị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Lê Quốc Đ, sinh ngày 21/10/2014; Nguyễn Lê Huyền Tr, sinh ngày 24/8/2018; anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Lê Ngọc Tr, sinh ngày 17/10/2021 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn V cấp dưỡng cho chị S nuôi cháu Nguyễn Lê Ngọc Tr mỗi tháng 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng y*) cho đến khi cháu Tr trưởng thành đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0005534 lập ngày 12 tháng 12 năm 2023. Chị S đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày chị Lê Thị S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng (*hàng tháng*), hàng tháng anh Nguyễn Văn V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng nam xét xử lại trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên An, huyện T Phước.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trà Thị Thanh Thắm

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Châu, huyện T Phước.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trà Thị Thanh Thắm

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Châu, huyện T Phước.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trà Thị Thanh Thắm

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Sơn, huyện T Phước.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trà Thị Thanh Thắm

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Sơn, huyện T Phước.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trà Thị Thanh Thắm